

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 1 (tháng 3/2020)

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Cẩm Sơn, Sông Thương tại Hữu Lũng, Cổng điều tiết Kè Sơn, Cổng Quang Hiến, Cổng điều tiết Đào Mỹ, Kênh Tây tại TL 295, Cổng Tổ Rồng, Cổng Kè Hoàn, Cổng Hà Vang.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Thái Đào, Kênh G52, Cầu Quật, Kênh Hà Phú, Trạm Bơm Bảo Sơn.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Kênh Y22.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: Không có vị trí nào.

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn)	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 85%, gió NĐN 9 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình, mực nước cao.	Nước trong xanh.	7.04	2	7.5	0.1	0.093	0.450	145	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
2	2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 85%, gió NĐN 6 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy nhanh.	Nước màu xanh trong.	7.09	3.8	7.47	0.1	0.132	0.412	144	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
3	3	Cổng điều tiết Kè Sơn	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 94%, gió NĐ 6 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình, cống	Nước màu xanh trong.	7.54	2.6	7.1	0.1	0.109	0.612	244	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			mở.									Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng Quang Hiến	Trời mưa nhỏ, t° = 25°C, độ ẩm 75%, gió NĐN 14 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, công 1 cửa và 2 cửa mở, công 5 cửa đóng.	Nước màu xanh trong.	7.7	2.6	7.05	0.1	0.163	0.578	238	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Đào Mỹ (đầu công điều tiết Hòa Mỹ)	Trời mưa nhỏ, t° = 25°C, độ ẩm 80%, gió NĐN 14 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy trung bình, công mở.	Nước màu xanh.	7.67	5.2	7	0.1	0.186	0.635	245	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Kênh Tây tại TL 295	Trời mưa nhỏ, t° = 25°C, độ ẩm 74%, gió NĐN 18 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình. Có nhiều rác thải dưới kênh.	Nước màu xanh lục.	7.53	8.7	6.45	0.2	0.249	0.657	251	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Công Tố Rồng (đầu kênh Giữa)	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 95%, gió ĐN 13 km/h, mật độ mây 97%. Dòng chảy nhanh, công mở thoáng.	Nước màu xanh trong.	7.44	3.8	6.7	0.1	0.078	0.563	246	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Công Kè Hoàn	Trời mưa nhỏ, t° = 26°C, độ ẩm 80%, gió NĐN 18 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy trung bình, công mở, mực nước cao.	Nước màu xanh.	7.63	2.8	6.65	0.1	0.093	0.646	245	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Công Hà Vang	Trời mưa nhỏ, t° = 26°C, độ ẩm 77%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy nhanh, công mở thoáng 2 cửa. Có nhiều rác	Nước màu xanh.	7.74	7.2	7.01	0.1	0.117	0.655	236	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			dưới kênh.									Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.
10	10	Cống Thái Đào	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 91%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy trung bình, cống mở 1 cửa.	Nước màu xanh trong.	7.41	6.2	5.65	0.1	0.124	0.650	236	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Kênh G52 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 91%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 975%. Dòng chảy chậm, mực nước cao.	Nước màu xanh lục.	7.2	13.1	5.4	0.1	0.179	0.565	242	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Cầu Quật (đầu kênh Yên Lại)	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 95%, gió ĐN 13 km/h, mật độ mây 97%. Dòng chảy trung bình. Có nhiều lá cỏ nước trôi trên	Nước màu xanh trong.	7.32	7.3	5.85	0.1	0.078	0.653	238	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			kênh.									kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Kênh Hà Phú	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 90%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 97%. Dòng chảy chậm. Nhiều rác trôi trên kênh.	Nước màu xanh lục.	7.22	6.3	5.8	0.1	0.109	0.632	248	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Kênh Y22 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 97%. Dòng chảy rất chậm. Có nhiều rác dưới kênh.	Nước màu xanh lục.	6.85	10.1	2.31	0.2	0.155	1.224	264	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo)	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 90%, gió ĐN 6 km/h, mật độ mây 98%. Không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.14	7.6	5.2	0.2	0.070	0.475	254	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
		Son)										Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.